

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON

● NGUYỄN HUY TRÂN

TÓM TẮT:

Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích quy định của pháp luật hiện hành về thẩm quyền xác định cha, mẹ, con; chỉ ra những điểm bất cập qua thực tiễn áp dụng và hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề này.

Từ khóa: cha, mẹ con; thẩm quyền; xác định cha, mẹ, con.

1. Quy định của pháp luật hiện hành về thẩm quyền xác định cha, mẹ, con

Luật Hôn nhân & Gia đình (HN&GD) năm 2014 đã quy định cụ thể về thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con tại Điều 101 như sau:

“1. Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha mẹ, con theo quy định của pháp luật về hộ tịch trong trường hợp không có tranh chấp.”

2. Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết và trường hợp quy định tại Điều 92 của Luật này...”

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cũng có quy định về thẩm quyền của Tòa án trong việc xác định cha, mẹ, con. Theo đó, Tòa án có thẩm quyền giải quyết “tranh chấp về xác định cha mẹ cho con hoặc xác định con cho cha mẹ”, “tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo”, “yêu cầu liên quan đến việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo” và “yêu cầu xác định

cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật HN&GD”. Về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc giải quyết tranh chấp về xác định cha, mẹ, con thuộc thẩm quyền của Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, tuy nhiên, các đương sự có quyền thỏa thuận bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn giải quyết tranh chấp về xác định cha, mẹ, con. Nhưng đối với yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ, Bộ luật không có quy định riêng về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ giải quyết loại việc dân sự này.

Theo các quy định trên, Tòa án không phải là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con. Tòa án chỉ có thẩm quyền thụ lý, giải quyết xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết. Ngoài các trường hợp nêu trên thì thẩm quyền xác định cha, mẹ, con thuộc về cơ quan đăng ký hộ

tịch. Ngoài ra, Luật Hộ tịch năm 2014 (Luật HT) cũng có quy định về thẩm quyền xác định cha, mẹ, con của cơ quan đăng ký hộ tịch. Theo quy định tại Điều 24 của Luật này, UBND cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con có thẩm quyền thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con.

Như vậy, một trong những cơ sở quan trọng để phân định thẩm quyền của xác định có tranh chấp hay không? Tuy nhiên, việc xác định có tranh chấp hay không ở thời điểm có yêu cầu xác định cha, mẹ, con là một việc làm khó khăn. Bởi lẽ, khi người cha hay người mẹ, người con yêu cầu xác định cha, mẹ, con thì chưa thể biết những người này có đồng ý hay không đồng ý, có tranh chấp hay không có tranh chấp từ đó làm thủ tục gửi Tòa án hay UBND xã. Nên khi muốn xác định cha, mẹ, con thì người dân thường gửi yêu cầu đến Tòa án nơi cư trú trên cơ sở đơn của người yêu cầu, Tòa án thụ lý vụ án xác định cha, mẹ, con và làm các thủ tục theo quy định về tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nếu thấy người yêu cầu xác định cha, mẹ, con còn sống mà các bên không có tranh chấp thì Tòa án phải đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau đó, hướng dẫn đương sự đến cơ quan hộ tịch (UBND xã) thực hiện thẩm quyền.

Về vấn đề này, tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp được ban hành đã bổ sung quy định khắc phục được phần nào vướng mắc về thẩm quyền. Trong các trường hợp xác định cha, mẹ, con đã chết hoặc người thân thích của người có yêu cầu xác định cha, mẹ, con chết thì dù có tranh chấp hay không có tranh chấp thì đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2. Thực tiễn áp dụng pháp luật hiện hành về thẩm quyền xác định cha, mẹ, con

Tình huống thứ nhất¹: Bản án số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 18/8/2020 về tranh chấp xác định chacho con của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nội dung vụ án: Anh Phạm Trung K và chị Đào Thị H có quen biết do làm cùng công ty may H ở thành phố Thái Bình. Sau một thời gian quen nhau, anh được biết chị H đã kết hôn với anh Trần Văn H.

Chị H thường hay tâm sự với anh về chuyện gia đình và có nói với anh là chị H và chồng đã ly thân từ lâu, hiện tại sống với nhau chỉ vì con. Dần dần giữa anh và chị H nảy sinh tình cảm. Anh K và chị H đã nhiều lần quan hệ nam nữ với nhau dẫn đến chị H có thai. Khi biết tin chị H mang thai, anh K có hỏi chị H là đã dứt khoát với chồng chưa, chị H trả lời là đã làm đơn, chỉ chờ chồng ký là xong. Sau đó, anh có hỏi lại nhiều lần, nhưng chị H đều tìm lý do để trì hoãn.

Ngày 21/5/2017, chị H sinh con gái tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Thái Bình, đặt tên con là Trần Đào Ngọc A². Khi biết chị H sinh con, anh K cùng mẹ đẻ có đến Bệnh viện để chăm sóc cho chị H. Chị H cho biết là có chồng chị H và người nhà ở đó. Lúc này, anh mới phát hiện ra là chị H vẫn giấu chồng và gia đình chồng chuyện có thai với anh. Do không muốn ảnh hưởng xấu đến cuộc sống gia đình của chị H, nên anh để chị H chủ động thu xếp mọi chuyện. Chị H hứa sẽ ly hôn với chồng để kết hôn với anh, nhưng chị H đã không thực hiện. Sau đó, chị H đã khai sinh cho con Trần Đào Ngọc A mang họ Trần và khai cha đẻ của con Trần Đào Ngọc A là anh Trần Văn H.

Bản kết quả phân tích Gen (AND) của Trung tâm Giám định sinh học pháp lý Viện Khoa học hình sự ngày 24/1/2019 và Kết luận giám định số 181/C09-TT3 ngày 29/6/2020 Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an đã kết luận: “Anh Phạm Trung K và chị Đào Thị H là cha đẻ, mẹ đẻ của cháu Trần Đào Ngọc A với xác suất 99,999%”. Theo đó, anh K đề nghị Tòa án xác định cháu Trần Đào Ngọc A, sinh ngày 21/5/2017 là con đẻ của anh.

Tình huống thứ hai³: Người yêu cầu - Anh C có đơn yêu cầu xác định cháu H (đã có giấy khai sinh⁴ có bố là anh Đ) là con đẻ của anh C với chị T (mẹ đẻ cháu H), đồng thời đề nghị Tòa án chấm dứt các quyền và nghĩa vụ giữa anh Đ và cháu H theo quy định pháp luật. Biết rằng, trước khi chị T kết hôn với anh Đ thì anh C và chị T đã sống chung như vợ chồng và đã mang thai cháu H, nhưng hai người sau đó đã chia tay. Ngay sau đó, chị C đã kết hôn hợp pháp với anh Đ và chị C đã sinh ra cháu H. Do không hạnh phúc nên chị T và anh Đ đã ly hôn. Sau ly hôn, chị T và anh C quay lại kết hôn. Dựa trên

kết quả giám định ADN giữa anh C và cháu H, nên anh C đã quyết định làm đơn yêu cầu xác định cháu H là con đẻ của mình.

Tòa án trong trường hợp này đã xác định đây là loại yêu cầu về hôn nhân và gia đình căn cứ tại khoản 10 Điều 29 BLTTDS, “Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình”. Biết rằng, trong quá trình giải quyết việc dân sự này, cả anh Đ và chị T đều nhất trí với yêu cầu xác định cha cho con của anh C, ngoài ra các bên không có yêu cầu nào khác.

Nhận xét

Nhìn chung, các tình tiết cơ bản của 2 tình huống thực tiễn trên đều tương tự nhau - trong đó, điểm mấu chốt của việc xác định cha cho con đều là xác định cha thực tế trên cơ sở đã có cha pháp lý của con trong giấy khai sinh hợp pháp và cả 2 trường hợp này đều đã có kết luận giám định ADN xác định con là con của cha thực tế.

Duy chỉ có trong tình huống thứ nhất, yêu cầu xác định cha thực tế (anh K) cho con (cháu A) trong bối cảnh cha pháp lý (anh Văn H) của đứa trẻ và mẹ không ly hôn. Và mặc dù anh Văn H không phản đối việc xác định cháu A là con anh K, nhưng anh Văn H lại không đồng ý việc cải chính thông tin trên giấy khai sinh. Anh mong muốn cùng vợ anh là chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Anh K muốn đi lại, thăm nom con thì phải được sự đồng ý của anh Văn H.

Bên cạnh đó, việc người cha pháp lý - anh Văn H không đồng ý việc yêu cầu cải chính giấy tờ hộ tịch cho cháu A có phải là tranh chấp trong việc xác định cha, mẹ, con hay không? Chúng tôi cho rằng, tranh chấp phải có liên quan trực tiếp đến việc xác định ai là cha, mẹ, con chưa có sự thống nhất của những người có quan hệ trực tiếp bao gồm cha, mẹ, con. Do đó, ý kiến phản đối của anh Văn H không phải là trường hợp có tranh chấp về xác định cha, mẹ, con. Và chúng tôi đồng ý với nhận định của Tòa án rằng: “Anh Phạm Trung K và chị Đào Thị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch làm thủ tục cải chính lại tên người cha trong Giấy khai sinh cho cháu Trần Đào Ngọc A theo đúng quy định của pháp luật”.

Tuy nhiên, từ đây lại đặt ra vấn đề, nếu xác định cha, mẹ, con trong cả 2 tình huống minh họa như đã phân tích đều không có tranh chấp về xác định cha, mẹ, con thì có thuộc thẩm quyền của Tòa án hay không? Nói cách khác, có cơ sở tại khoản 1 Điều 101 LHN&GD để xác định đây là thẩm quyền của cơ quan đăng ký hộ tịch?

Đối với tình huống thứ hai, yêu cầu xác định cha cho con khi mà cha pháp lý và mẹ đã ly hôn trước đó, cha thực tế sau đó mới yêu cầu xác định con cho mình. Trong tình huống này, các bên hoàn toàn không có tranh chấp hay ý kiến nào khác và thống nhất xác định cha thực tế cho con.

Từ đây đã có quan điểm khác nhau trong thực tiễn về xác định thẩm quyền vụ hay việc của Tòa án khi thụ lý yêu cầu xác định cha, mẹ, con; và khi nào là thẩm quyền của cơ quan đăng ký hộ tịch.

3. Bất cập và hướng hoàn thiện pháp luật hiện hành về thẩm quyền xác định cha, mẹ, con

Qua phân tích quy định tại Điều 3 Luật HT cho thấy, cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền: (i) xác nhận vào sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch về việc nhận cha, mẹ, con; và (ii) ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định cha, mẹ, con. Vậy có sự tương thích giữa quy định tại Luật HN&GD với Luật HT về việc xác định thẩm quyền giữa Tòa án và cơ quan đăng ký hộ tịch về yêu cầu xác định cha, mẹ, con hay không? Có thể có các ý kiến trái chiều như sau:

Quan điểm thứ nhất: Có sự chưa nhất quán trong 2 văn bản nêu trên.

Quy định của Luật HN&GD cho rằng, cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con khi các bên không có tranh chấp là không phù hợp, nói cách khác, LHT quy định xác định cha, mẹ, con chỉ được cơ quan đăng ký hộ tịch ghi vào sổ hộ tịch khi và chỉ khi có bản án, quyết định của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định về vấn đề này. Do vậy, quy định hướng dẫn tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP hướng dẫn tại khoản 4 Điều 16 đã khắc phục sự bất cập này khi xác định rõ “con do người vợ sinh ra hoặc có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng vợ hoặc chồng không thừa nhận là con chung hoặc người khác muốn nhận

con thì do Tòa án nhân dân xác định theo quy định pháp luật”.

Áp dụng quan điểm thứ nhất vào tình huống minh họa cho thấy, cả hai tình huống này đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và cơ quan đăng ký hộ tịch không có thẩm quyền, vì đây đều là việc xác định cha, mẹ, con và ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch. Nói cách khác, đây không phải là nhận cha, mẹ, con để cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác nhận vào sổ hộ tịch sự kiện hộ tịch này.

Quan điểm thứ hai: Hoàn toàn không có sự mâu thuẫn trong 2 văn bản.

Bởi lẽ, nếu có kết luận giám định ADN về việc xác định cha, mẹ, con thì đây cũng chính là quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vấn đề này. Do đó, nếu các bên không có sự tranh chấp và đã có kết luận giám định ADN cha, mẹ, con thì khi đó cơ quan đăng ký hộ tịch hoàn toàn có thẩm quyền xác định sự kiện này và ghi vào sổ hộ tịch. Tuy nhiên, nếu theo quan điểm này, hướng dẫn tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP hoàn toàn không cần thiết và thừa, vì nếu đã có kết luận giám định ADN, thì cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch xác định cha, mẹ, con ngay mà không cần thông qua cơ quan Tòa án để giải quyết.

Áp dụng quan điểm thứ hai này vào hai tình huống minh họa thì cả hai tình huống thực tiễn minh họa trong bài đều thuộc thẩm quyền của cơ quan đăng ký hộ tịch chứ không thể là thẩm quyền của Tòa án.

Nhận xét và quan điểm của người viết

Tác giả cơ bản đồng tình với quan điểm thứ nhất, tuy nhiên không cho rằng 2 văn bản có sự mâu thuẫn, mà chỉ là quy định cho rõ thêm, bởi lẽ, quy định của Luật HN&GD cũng đã dẫn chiếu đến Luật HT, do đó, nếu Luật HT có quy định thì trường hợp này sẽ áp dụng theo Luật HT. Ngoài ra, chúng tôi có một số bổ sung luận giải thêm như sau:

Thứ nhất, mấu chốt của vấn đề này là cần phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp có sự khác biệt cơ bản. Cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện công việc hành chính - tư pháp, cấp hộ tịch cho công dân theo tình huống

hành chính thông thường, cứ có đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật thì trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan này là phải cấp, nhưng hoàn toàn không có quyền để đưa ra phán quyết xác định một người có phải là cha, mẹ, con hay không. Nói rõ hơn, nếu cung cấp đầy đủ các giấy tờ nhân thân về đăng ký kết hôn, giấy chứng sinh... hoặc người mẹ có giấy chứng nhận độc thân, giấy chứng sinh thì cấp giấy khai sinh cho trẻ; ở mục họ tên cha nếu có đăng ký kết hôn hợp pháp thì cơ quan đăng ký hộ tịch kiểm tra và sau đó ghi đúng họ tên cha đứa trẻ (nếu có), trong trường hợp có giấy chứng nhận độc thân mà chưa xác định được cha thì để trống chỗ ghi tên cha.

Ngược lại, cần phải hiểu rằng, trường hợp xác định cha, mẹ, con do cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện không bao gồm trường hợp một người nhận con của một người khác là con và người đang là cha, mẹ cũng đồng ý. Bởi vì, cơ quan đăng ký hộ tịch không thể tước bỏ quyền đang làm cha, mẹ, con của một người rồi lại xác định một người khác là cha, mẹ, con, cho dù tất cả các chủ thể có liên quan đều tự nguyện và không có tranh chấp. Trường hợp này vẫn thuộc thẩm quyền của Tòa án và thuộc yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ⁵.

Thứ hai, tác giả không đồng ý với quan điểm thứ hai khi cho rằng kết luận giám định ADN cũng là quyết định của cơ quan nhà nước. Cần phải hiểu rằng đây là kết luận của cơ quan chuyên môn về một vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn của họ. Tương tự như trường hợp xác định người bị tâm thần là người mất năng lực hành vi dân sự, Tòa án mới là cơ quan duy nhất tuyên bố một người nào đó là mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở có kết luận chuyên môn của cơ quan chuyên môn về việc người đó có đủ năng lực nhận thức... hay không. Tóm lại, quyết định một vấn đề cá nhân mang tính pháp lý (sự kiện pháp lý hay quyền dân sự) của một người chỉ có thể được xác định bởi cơ quan duy nhất đó là Tòa án. Việc xác định này có ý nghĩa quan trọng làm cơ sở cho việc phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật khác.

Thứ ba, có sự không tương thích nội dung quy định tại Luật HN&GD với Luật HT. Tuy nhiên, Luật HT là văn bản chuyên ngành liên quan đến

việc xác định các vấn đề về hộ tịch và cũng là văn bản được ban hành và có hiệu lực sau so với Luật HN&GD6, do đó, việc áp dụng và triển khai theo quy định của Luật HT là phù hợp, nên cần phải quán triệt, thống nhất.

Thứ tư, nội dung hướng dẫn tại Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP cần phải có sự cân nhắc khi áp dụng dựa trên những nguyên lý gốc về quy định xác định cha, mẹ, con mà chúng tôi đã phân tích ở trên. Theo đó, hướng dẫn tại khoản 4 Điều 16 về “con do người vợ sinh ra hoặc có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng vợ hoặc chồng không thừa nhận là con chung hoặc người khác muốn nhận con thì do Tòa án nhân dân xác định theo quy định pháp luật” là phù hợp với Luật HT. Chúng tôi cho rằng có lẽ do thực tiễn vận dụng chưa thống nhất, nên có hướng dẫn này để phân định thẩm quyền của Tòa án với cơ quan đăng ký hộ tịch cho rõ ràng hơn để tránh bất cập chưa thống nhất.

Tuy nhiên, vấn đề bất cập lại nảy sinh với nội dung hướng dẫn “Trường hợp Tòa án nhân dân từ chối giải quyết thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha hoặc đăng ký nhận cha, con, hồ sơ phải có văn bản từ chối giải quyết của Tòa án và chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này”. Bởi lẽ, việc hướng dẫn nước đôi như vậy vô

hình trung cho rằng việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp này có thể thuộc thẩm quyền của cả Tòa án và cơ quan đăng ký hộ tịch và như vậy không phù hợp với những lập luận về nguyên lý phân định thẩm quyền giữa 2 cơ quan này như trên chúng tôi đã luận giải.

Qua nghiên cứu và phân tích, tác giả cho rằng, hoàn toàn có đầy đủ cơ sở hiểu và buộc phải hiểu rằng đối với việc khai sinh lần đầu cho con, trong đó có ghi nhận tên cha, mẹ ngay hoặc khai sinh khi đã được đăng ký khai sinh, nhưng không có thông tin về người cha, thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thực hiện trên cơ sở có đầy đủ giấy tờ, minh chứng (kể cả có sự thỏa thuận của các bên liên quan) đã được pháp luật quy định. Đối với trường hợp sửa đổi lại khai sinh về phần cha, mẹ, con hoặc không có sự thừa nhận của các bên trong việc xác định cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch chỉ sửa đổi những thông tin này khi và chỉ khi đã có bản án hoặc quyết định của Tòa án tuyên về vấn đề này. Như vậy, Tòa án có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con khi có tranh chấp hoặc kể cả khi có thỏa thuận nhưng đứa trẻ đã có khai sinh (có ghi tên bố) hoặc chưa có khai sinh, nhưng con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, thì đương nhiên là con hợp pháp của cha pháp lý, nên thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con phải thuộc thẩm quyền duy nhất của Tòa án ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Bản án 29/2020/HNGĐ-ST ngày 18/8/2020 V/v tranh chấp xác định con cho cha của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình. Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-292020hngdst-ngay-18082020-ve-tranh-chap-xac-dinh-cha-cho-con-187376>.

²Giấy khai sinh số 114 ngày 25/5/2017, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện cháu A có bố là anh văn H và mẹ là chị H.

³Quyết định số 01/2018/QĐST - VDS ngày 21/9/2018 V/v yêu cầu xác định con cho cha. Nguồn: <http://congobanan.toaan.gov.vn/2ta162104t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

⁴Giấy khai sinh số 84/2012, quyển số 01/2012 do UBND phường KG, quận TX, thành phố Hà Nội cấp thể hiện cháu H có bố là anh Đ và mẹ là chị T.

⁵Xem thêm bài viết của Nguyễn Thị Lan (2018), “Mối liên hệ giữa Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 với BLTTDS 2015 về giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình”, Tạp chí Tòa án online, đăng ngày 01/7/2018. Nguồn: <https://www.tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/moi-lien-he-giua-luat-hon-nhan-va-gia-dinh-2014-voi-blttlds-2015-ve-giai-quyet-cac-vu-viec-hon-nhan-va-gia-dinh>.

⁶LHN&GD có hiệu lực từ ngày 01/01/2015, trong khi đó, LHT có hiệu lực từ ngày 01/01/2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự năm 2015*.
2. Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015*.
3. Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014*.
4. Quốc hội (2014). *Luật Hộ tịch năm 2014*.

Ngày nhận bài: 17/12/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/1/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 30/1/2023

Thông tin tác giả:

NGUYỄN HUY TRÂN

Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**COMPLETING PROVISIONS
FOR THE AUTHORITY TO IDENTIFY FATHER,
MOTHER AND CHILD**

● NGUYEN HUY TRAN

People's Committee of Thanh Son Ward,
Phan Rang City - Thap Cham City, Ninh Thuan Province

ABSTRACT:

This paper analyzes the current provisions for the authority to identify father, mother and child. The paper also points out inadequacies in the enforcement of these provisions and makes some recommendations to overcome relating inadequacies.

Keywords: father, mother and child, authorization, identifying father, mother and child.